

SP TẬP HUẤN THCS NÔNG TRANG
1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1 0.25	1 0,5							25%
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên			1 0.25		1 0.25				
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 0.25							1 1	
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên			1 0.25	2 2,0					45%
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên				1 1	1 0.25	1 1			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	1 0.25								20%
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	1 0.25					1 1,5			
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên	Hình có trục đối xứng	2 0.5								10%
		Hình có tâm đối xứng	1 0.25								
		Vai trò của đối xứng trong tự nhiên	1 0.25								
Tổng											
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		100
Tỉ lệ chung			60%				40%				100

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	--------	-----------------	----------------------------------

			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. - Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. 	1 TN			
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của 		1 TN	1 TN	
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. - Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. 	1 TN			
			<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) 				1 TL
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn được số nguyên trên trục số. - So sánh được hai số nguyên cho trước. 		1 TN		
			<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. 	1 TN			

		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...). 			1 TN	2 TL	
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. 	1 TN				
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. 	1 TN		1 TL		
4	Tính đối xứng của hình phẳng trong tự nhiên	Hình có trục đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. - Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	2 TN				
		Hình có tâm đối xứng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. - Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). 	1 TN				

		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...- Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).	1 TN			
--	--	-----------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------	--	--	--

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
Môn: TOÁN – Lớp 6

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau.

Câu 1(NB). Cho tập hợp $M = \{12;13;15;17\}$. Cách viết nào sau đây là đúng?

- A. $11 \notin M$. B. $12;13 \in M$. C. $17 \notin M$. D. $16 \in M$.

Câu 2(NB). Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các hợp số ?

- A. $\{2;3;5\}$. B. $\{3;5;6\}$. C. $\{4;5;6\}$. D. $\{8;2;4\}$.

Câu 3(VD). Kết quả của phép tính $12.25+12.75$ bằng

- A. 100 B. 1200 C. 75 D. 12

Câu 4 (NB): Nếu $a \mid b (a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0)$ thì

- A. a là bội của b. B. a là ước của b. C. b là bội của a. D. -b là bội của - a.

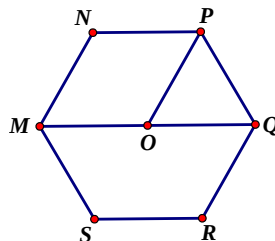
Câu 5 (TH): Các số nguyên a và b được biểu diễn trên trục số như sau:



Khẳng định nào sau đây là sai:

- A. $a < 0 < b$. B. $b > 0 > a$. C. $b < 0 < a$. D. $a < b$.

Câu 6(NB). Cho hình vẽ dưới đây. Khẳng định nào sau đây là đúng?



- A. $NPOM$ là hình thang cân. B. $MNPQ$ là hình lục giác đều.
 C. OPQ là tam giác đều. D. $MQRS$ là hình bình hành.

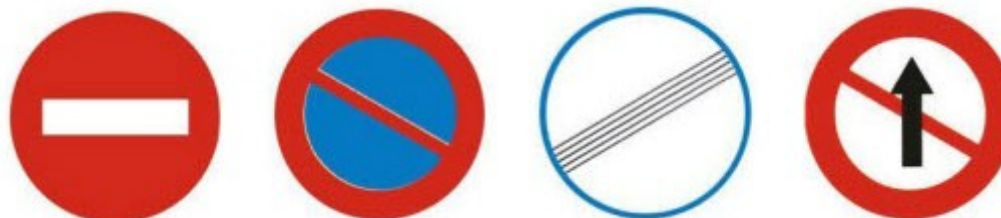
Câu 7(NB). Khẳng định nào sau đây là **Sai**?

- A. Hai góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau.
 B. Trong hình thoi các góc đối không bằng nhau.
 C. Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
 D. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

Câu 8(NB): Hình **không** có tâm đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình tam giác C. Hình vuông D. Hình lục giác đều.

Câu 9(NB): Trong các biển báo giao thông sau. Có bao nhiêu biển báo giao thông có trục đối xứng?



a)

b)

c)

d)

- A. 1 biển báo. B. 3 biển báo. C. 2 biển báo. D. 4 biển báo

Câu 10(NB). Trong các hình vẽ sau hình nào có trục đối xứng?



a)

b)

c)

d)

- A. a);b). B. a);c). C. b);c). D. c);d).

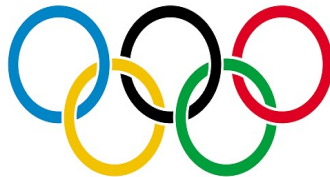
Câu 11(VD): Kết quả đúng của phép tính $5^3 : 5 + 2 - 3^3 \cdot 3^0$ là

- A. 0. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 12: Trong các hình sau hình nào có nhiều hơn 1 trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2

Hình 3



Hình 4



- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (0,5 điểm) Viết tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 7 bằng hai cách?

Bài 2: (2,0 điểm)

- a) Biểu diễn các số nguyên sau trên một trục số: - 4; - 3; - 5; 0; 4; 3; 6
b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần - 3; 4; 7; - 7; 0; - 1; 15; - 8; 25

Bài 3: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $(-37) \cdot 214 + 214 \cdot (-63)$ b) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$

Bài 4: (1,0 điểm) Nửa tháng đầu một cửa hàng bán lẻ được lãi 5 triệu đồng, nửa tháng sau lại lỗ 2 triệu đồng. Hỏi tháng đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?

Bài 5: (1,5 điểm) Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài là $12m$ và chiều rộng là $2m$. Người ta lát gạch lên lối đi, chi phí có mỗi mét vuông lát gạch là 100000 đồng.

- a. Tính diện tích lối đi hình chữ nhật.
b. Tính chi phí để lát gạch trên lối đi.

Bài 6: (1 điểm)

Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{60}$. Hãy cho biết B có chia hết cho 13 không? Vì sao

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐÁP ÁN

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	A	C	C	B	B	B	B	A	B

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu/bài	Nội dung	Điểm
1	Viết tập hợp A các số tự nhiên không vượt quá 7 bằng hai cách?	
0,5 điểm	C1 : $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$ C2: $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 7\}$	0,25 0,25
2	a) Biểu diễn các số nguyên sau trên một trục số: - 4; - 3; - 5; 0; 4; 3; 6 b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần - 3; 4; 7; - 7; 0; - 1; 15; - 8; 25	
2 điểm	a) <div style="text-align: center; margin: 10px 0;"> </div> b) <div style="text-align: center; margin: 10px 0;"> $- 8; - 7; - 3; - 1; 0; 4; 7; 15; 25$ </div>	1 1
3	Thực hiện phép tính, tính nhanh nếu có thể: a) $(- 37).214 + 214.(- 63)$ b) $1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$	

1 điểm	$a) (-37) \cdot 214 + 214 \cdot (-63)$ $= 214 \cdot [(-37) + (-63)]$ $= 214 \cdot (-100)$ $= -21400$	$b) 1150 - (115 + 1150) + (115 - 39)$ $= 1150 - 115 - 1150 + 115 - 39$ $= (1150 - 1150) + (115 - 115) - 39$ $= -39$	1
4	<p>Nửa tháng đầu một cửa hàng bán lẻ được lãi 5 triệu đồng, nửa tháng sau lại lỗ 2 triệu đồng. Hỏi tháng đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?</p>		
1 điểm	<p>Tháng đó cửa hàng được lãi số tiền là</p> $5 + (-2) = 3 \text{ (triệu đồng)}$		
5	<p>Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài là $12m$ và chiều rộng là $2m$. Người ta lát gạch lên lối đi, chi phí có mỗi mét vuông lát gạch là .</p> <p>a. Tính diện tích lối đi hình chữ nhật.</p> <p>b. Tính chi phí để lát gạch trên lối đi.</p>		
1,5 điểm	<p>a) Diện tích của lối đi hình chữ nhật là:</p> $12 \cdot 2 = 24 (m^2)$		0,75
	<p>b) Chi phí để lát gạch trên lối đi là:</p> $24 \cdot 100\,000 = 2\,400\,000 \text{ (đồng)}$		0,75
6	<p>Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{60}$. Hãy cho biết B có chia hết cho 13 không?</p>		
1 điểm	<p>Có $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{60}$</p> $= (3 + 3^2 + 3^3) + (3^4 + 3^5 + 3^6) + \dots + (3^{58} + 3^{59} + 3^{60})$ $= 3 \cdot (1 + 3 + 3^2) + 3^4 \cdot (1 + 3 + 3^2) + \dots + 3^{58} \cdot (1 + 3 + 3^2)$ $= 3 \cdot 13 + 3^4 \cdot 13 + \dots + 3^{58} \cdot 13$ $= 13 \cdot (3 + 3^4 + \dots + 3^{58}) \text{ chia hết cho 13}$		0,25 0,25 0,25 0,25